

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Người liên hệ: Nguyễn Ánh Phước
Tel: 04.35742022 ext 205
Email: phuocna@vcci.com.vn

4.2015

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

MỤC LỤC

<u>I. GIỚI THIỆU CHUNG</u>	1
<u>1. Các thông tin cơ bản</u>	1
<u>2. Lịch sử</u>	2
<u>3. Văn hoá xã hội</u>	2
<u>4. Du lịch</u>	2
<u>5. Con người</u>	5
<u>6. Quan hệ quốc tế</u>	7
<u>II. TÌNH HÌNH KINH TẾ</u>	9
<u>1. Tổng quan</u>	9
<u>2. Các ngành kinh tế mũi nhọn</u>	9
<u>3. Các chỉ số kinh tế</u>	10
<u>III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM</u>	13
<u>1. Các chuyến thăm cao cấp gần đây</u>	13
<u>IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM</u>	14
<u>1. Hợp tác thương mại</u>	15
<u>2. Hợp tác đầu tư</u>	15
<u>3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác</u>	16
<u>V. HỢP TÁC VỚI VCCI</u>	16
<u>1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết</u>	16
<u>2. Hoạt động đã triển khai</u>	16
<u>VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH</u>	18
<u>1. Địa chỉ hữu ích</u>	18
<u>2. Các thông tin khác</u>	20

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2014

Bảng 2. Nhập khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2014



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	<i>Tên dài chính thức:</i> Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa <i>Tên ngắn chính thức:</i> Trung Quốc
Thủ đô	Bắc Kinh
Quốc khánh	1/10
Diện tích	9.600.000 km ² , đứng thứ 3 thế giới sau Nga và Canada
Dân số	1.349.585.838 (tính đến hết tháng 6/2013), Trung Quốc là một quốc gia có nhiều dân tộc. Dân tộc Hán là chủ yếu, ngoài ra còn có 55 dân tộc ít người (chiếm 6% dân số cả nước và phân bố trên 50-60% diện tích toàn quốc).
Khí hậu	Trung Quốc thuộc khu vực gió mùa, khí hậu đa dạng từ ẩm đến khô. Nhiệt độ trung bình toàn quốc tháng 1 là -4,70C, tháng 7 là 260C. Ba khu vực được coi là nóng nhất là Nam Kinh, Vũ Hán, Trùng Khánh.
Ngôn ngữ	Tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Quảng Đông
Tôn giáo	Đạo giáo, Đạo phật, Thiên chúa giáo 3-4%, Hồi giáo 1-2%
Đơn vị tiền tệ	Đồng nhân dân tệ (RMB), 1USD = 6.11RMB (tháng 1/2014)
Múi giờ	GMT + 8
Thế chế	Thế chế nhà nước: Theo Hiến pháp Trung Quốc, nước CHND Trung Hoa là một nước XHCN của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ XHCN là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước. Cơ cấu nhà nước bao gồm Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn Quốc (Quốc hội), Chủ tịch nước, Quốc Vụ viện, Ủy ban Chính trị Hiệp thương toàn quốc (gọi tắt là Chính Hiệp, tương đương Mặt trận tổ quốc của ta), Ủy ban Quân sự Trung ương, Đại hội đại biểu Nhân dân và Chính phủ các cấp ở địa phương, Toà án Nhân dân và Viện kiểm sát Nhân dân Thế chế chính trị:



Đảng cầm quyền: Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập ngày 1.7.1921, hiện có hơn 60 triệu Đảng viên. Bộ Chính trị có 25 người, trong đó có 9 Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Ban bí thư TƯ Đảng có 8 người.

Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc còn có 8 đảng phái khác nhau đều thừa nhận sự lãnh đạo của ĐCS trong khuôn khổ mà Trung Quốc gọi là “hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS”: Hội Cách mạng dân chủ, Liên minh dân chủ, Hội kiến quốc dân chủ, Hội xúc tiến dân chủ, Đảng dân chủ nông công, Đảng chí công, Cửu tam học xã và đồng minh tự trị dân chủ Đài loan.

Chủ tịch nước Tập Cận Bình (2013-nay)
Thủ tướng Lý Khắc Cường (2013– nay)

2. Lịch sử

Con người đã sinh sống ở đất Trung Quốc cách đây hàng triệu năm. Dấu tích người vượn ở hang Chu Khẩu Điếm (gần Bắc Kinh) có niên đại cách đây hơn 500.000 năm. Cách ngày nay khoảng hơn 5000 năm, xã hội nguyên thủy ở Trung Quốc bước vào giai đoạn tan rã, xã hội có giai cấp, nhà nước ra đời.

Giai đoạn đầu, lịch sử Trung Quốc chưa được ghi chép chính xác mà chỉ được chuyển tải bằng truyền thuyết. Theo truyền thuyết, các vua đầu tiên của Trung Quốc là ở thời kì Tam Hoàng Ngũ Đế (Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông và Hoàng đế, Cao Dương đế, Cốc đế, Nghiêu đế, Thuấn đế). Theo các nhà nghiên cứu, thực ra đây là giai đoạn cuối cùng của thời kì công xã nguyên thủy.

Nền văn minh Trung Hoa cổ gắn liền với vùng lục địa Đông Á rộng lớn. Cách đây khoảng 50 vạn năm, ở vùng Chu Khẩu Điếm (về phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh ngày nay) đã có con người sinh sống, được gọi là người vượn Bắc Kinh (Peking Man). Đó chính là những bầy đoàn người nguyên thủy dùng cành cây gậy gộc và các công cụ đá thô sơ để săn bắt, hái lượm và tự vệ. Người vượn Bắc Kinh đã biết dùng lửa.

Sau Thế chiến thứ hai, nội chiến xảy ra giữa Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Quốc dân đảng và Đảng Cộng Sản và chấm dứt vào năm 1949 với kết quả là Quốc Dân đảng mất đại lục Trung Quốc (cả đảo Hải Nam) vào phe Cộng sản, chỉ còn quản lý Đài Loan cùng một số đảo ngoài khơi xa của Phúc Kiến. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo thể chế nhà nước cộng sản tại đại lục. Dưới thời Mao Trạch Đông, chủ quyền và tính thống nhất của Trung Quốc lần đầu tiên sau hàng thập kỷ đã được bảo đảm, và đã có sự phát triển về mặt cơ sở hạ tầng, công nghiệp, y tế, và giáo dục. Tất cả điều này đã giúp nâng cao tiêu chuẩn dân sinh cho đại bộ phận người dân Trung Quốc. Họ cũng tin tưởng rằng những phong trào như Đại nhảy vọt và Cách mạng Văn hóa đã tác động tích cực đến sự phát triển của Trung Quốc và làm trong sạch nền văn hóa.

Tuy nhiên vào thời kỳ đầu Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã có một số sai lầm như Đại nhảy vọt, Cách mạng Văn hóa và Trăm hoa đua nở, gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế, đồng thời phá hoại nghiêm trọng di sản văn hóa Trung Hoa. Đặc biệt từ khi có phong trào Đại nhảy vọt đã xảy ra một nạn đói khủng khiếp ở Trung Quốc. Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc đã bầu Lưu Thiệu Kỳ làm chủ tịch nước, khởi xướng cải cách kinh tế.

3. Văn hoá xã hội

Các giá trị truyền thống của Trung Quốc đa phần bắt nguồn từ các tư tưởng chính thống của Nho giáo/chủ nghĩa bảo thủ, những tư tưởng này đã từng là nội dung giảng dạy chính trong trường học và được đưa vào một phần trong các kỳ thi tuyển quan chức cho chế độ phong kiến. Tuy nhiên, thuật ngữ Nho giáo hơi có vấn đề ở chỗ hệ tư tưởng đã từng đạt đến đỉnh cao vào thời Trung Quốc phong kiến nhà Thanh, thực ra là kết quả của nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau, trong đó có Pháp gia, mà dưới nhiều khía cạnh bắt nguồn từ tư tưởng chính thống ban đầu của Nho gia; thực tế là khi chế độ



phong kiến Trung Quốc đạt tới đỉnh cao thì những vấn đề như ý thức quyền lợi cá nhân, góp ý với chính quyền, và đòi hỏi những thay đổi cho cuộc sống càng bị những triết gia "chính thống" tìm cách ngăn cản, cho rằng Nho giáo là đồng nghĩa với sự quy phục và ổn định chính trị. Hiện nay, có những nhà Nho đương đại lại phản đối kiểu diễn giải đó và cho rằng những lý tưởng dân chủ và quyền con người hoàn toàn phù hợp với những "giá trị châu Á" Nho giáo cổ truyền.

Những nhà lãnh đạo đã cố gắng thay đổi xã hội Trung Hoa sau khi Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 đều là những người được đào tạo dưới xã hội cũ cùng với những dấu ấn giá trị của nó. Mặc dù đều là những người có ý thức cách mạng, họ không có ý định biến đổi hoàn toàn nền văn hóa Trung Hoa. Là những nhà quản lý thực dụng, lãnh đạo của CHNDTH tìm cách thay đổi một số khía cạnh truyền thống như vấn đề sở hữu đất canh tác và vấn đề giáo dục, tuy vậy vẫn giữ những giá trị cũ như cơ cấu gia đình. Thực ra, nhiều người cho rằng thời kỳ cộng sản sau năm 1949 thực ra chỉ là sự nối tiếp lịch sử Trung Quốc truyền thống, chứ không phải là những gì thực sự cách mạng—quản chúng vẫn chấp nhận quan điểm phục tùng giai cấp lãnh đạo như xưa mà không hề phản đối. Chính quyền mới được coi như nắm giữ Thiên mệnh, giành quyền từ chế độ cũ và thiết lập triều đại mới. Cũng giống như thời phong kiến, người cai trị (Mao Trạch Đông) được tôn sùng và coi như không bao giờ mắc lỗi. Do vậy, thay đổi trong xã hội Trung Quốc không phải là toàn diện và nhất quán theo như phát ngôn chính thức.

Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa do Hồng vệ binh tiến hành, nhiều khía cạnh của văn hóa truyền thống Trung Quốc như nghệ thuật, văn học, ngôn ngữ, bị chế độ coi là "tàn dư của chế độ phong kiến", là độc hại và đi lùi so với thời đại nên đã bị xóa bỏ khá nhiều. CHNDTH đã cải cách nhiều loại hình nghệ thuật, theo kiểu như "biến đổi" Kinh kịch để phù hợp với các khẩu hiệu tuyên truyền hiện thực xã hội chủ nghĩa. Theo thời gian, phần lớn văn hóa truyền thống Trung Quốc được người dân và chế độ chấp nhận là một phần của xã hội Trung Quốc; thực tế là chính sách quốc gia của Trung Quốc thường tán dương đây là những thành tựu quan trọng của nền văn minh Trung Quốc, và nhấn mạnh chúng là những yếu tố quan trọng trong việc hình thành một bản sắc quốc gia Trung Quốc. Trong những năm gần đây, CHNDTH cũng thường xuyên củng cố tinh thần quốc gia mà nhiều người cho là chiến thuật để duy trì sự lãnh đạo hợp pháp của họ.

Văn học Trung Quốc có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, từ các tài liệu lưu trữ của các triều đại cho đến các tiểu thuyết hư cấu từ thời trung cổ để phục vụ cho các độc giả người Trung Quốc biết chữ. Trung Quốc có một kho tàng văn học cổ điển phong phú, bao gồm cả thơ và văn xuôi, có niên đại từ thời nhà Đông Chu (770-256 BCE) và bao gồm các tác phẩm kinh điển được cho là của Khổng Tử. Trong số các tác phẩm kinh điển nhất của văn học Trung Quốc là Kinh Dịch. Trong thời kỳ hiện đại, tác gia Lỗ Tấn (1881-1936) có thể được xem là người sáng lập văn học bạch thoại hiện đại ở Trung Quốc. Văn học cổ đại Trung Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn học các nước Hán hóa như: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Cho đến khi văn hóa phương Tây du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là thời Pháp thuộc thì văn học Việt Nam mới dần chuyển qua chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây cho đến nay.

Ẩm thực Trung Quốc: Có sự khác biệt văn hóa rất lớn giữa các vùng khác nhau của Trung Quốc và do đó dẫn đến sự khác nhau giữa phong cách ẩm thực các vùng miền của Trung Quốc. Có 8 vùng ẩm thực chính ở Trung Quốc: Anhui, Cantonese, Fujian, Hunan, Jiangsu, Shandong, Szechuan, và Zhejiang.

Một bữa ăn theo văn hóa Trung Quốc thường gồm hai thành phần chính: (1) nguồn cấp chất bột, gọi là "主食" trong tiếng Trung, ("zhǔshí" Pinyin, nghĩa "Thức ăn chính") — thường là cơm, mì, hay mantou), và (2) thức ăn kèm theo như rau, thịt, cá.

Cơm là một phần quan trọng bậc nhất trong ẩm thực Trung Hoa, Tuy nhiên, nhiều nơi ở Trung Quốc, đặc biệt là miền Bắc Trung Quốc, các sản phẩm làm từ lúa mì như mì sợi và các loại bánh bao (như



mantou) thì chiếm ưu thế, trái với miền Nam Trung Quốc nơi gạo là chủ lực. Tuy nhiên có nhiều trường hợp thì cơm là món phụ và được dùng sau dùng dưới dạng cơm chiên. Món xúp thường được dùng trước và sau một bữa ăn ở Nam Trung Hoa.

Đũa là dụng cụ ăn uống của Trung Quốc.

Âm nhạc: Trong các hoạt động săn bắn và cúng tế nguyên thủy của tổ tiên dân tộc Trung Hoa, đã xuất hiện loại hình dân ca sớm nhất và cũng từ đó mở ra trang sử âm nhạc ngũ âm. Người ta biết đến Trung Quốc với một thể loại âm nhạc cổ xưa đặc trưng đó là Kinh kịch, là một thể loại ca kịch của Trung Quốc hình thành và phát triển mạnh tại Bắc Kinh vào thời vua Càn Long của vương triều nhà Thanh. Ban đầu nghệ thuật diễn tuồng sân khấu của Trung Hoa cổ được gọi là ca kịch hay hí kịch là một thể loại diễn tuồng bao gồm ca múa (ngâm khúc kèm theo nghệ thuật vũ đạo), thậm chí có cả các loại tạp kỹ pha trộn như kể chuyện, các màn nhào lộn, xiếc, diễn hoạt kê (tiểu lâm khôi hài), đối thoại trào lộng và võ thuật.

Trải qua mấy nghìn năm diễn biến và phát triển, âm nhạc Trung Quốc luôn mở rộng tầm lòng hướng ra thế giới, luôn cất lên những khát vọng tự do và trân thành, tiếp thu, học tập và hội nhập, đã hình thành những chương nhạc Trung Hoa muôn màu sắc.

Giáo dục: Về giáo dục, phương châm chiến lược phát triển Giáo dục Trung Quốc đó là: Giáo dục hướng về hiện đại, Giáo dục hướng tới tương lai và Giáo dục hướng ra thế giới. Đây là tư tưởng xác lập vị trí chiến lược của giáo dục trong nỗ lực xây dựng đất nước phát triển, nhất là nhằm tăng cường hội nhập quốc tế. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc chủ trương bồi dưỡng, giáo dục nhân tài theo ba hướng này.

Ngày nghỉ, lễ tết: Kể từ tháng 10/1999, các ngày lễ chính thức ở Trung Quốc đã kéo dài từ 7 đến 10 ngày, bao gồm ngày 1 tháng 1 (Tết dương lịch), 3 ngày đầu của tết âm lịch, ngày 1, 2, 3 tháng 5 và ngày 1, 2, 3 tháng 10.

Vào các dịp này số người đi lễ rất đông và kẹt xe thường hay xảy ra. Vì vậy du khách đến Trung Quốc nên chọn ngày đi để tránh bất tiện do nạn kẹt xe ngoài đường.

Lễ hội Trăng tròn tháng 8 (Tết Trung Thu): là dịp lễ rất quan trọng của người Trung Quốc. Vào dịp này, mặt trăng trở nên tròn nhất trong năm ở Trung Quốc. Theo truyền thống lâu đời của người Hoa, con người là một phần hòa hợp của thiên nhiên. Vào ngày trăng tròn nhất trong năm là dịp đoàn tụ các thành viên trong gia đình. Nếu một thành viên trong gia đình vì công việc quá bận rộn không về nhà được để tham dự Tết Trung thu thì những thành viên còn lại trong gia đình có thể nhìn lên ông trăng tròn để “đoàn tụ” trong tâm trí với người vắng nhà.

Các ngày quốc lễ ở Trung Quốc:

Ngày 1 tháng 1: Tết Dương lịch

3 ngày đầu tiên của Tết Âm lịch: Lễ hội mùa xuân

Rằm tháng giêng âm lịch: Lễ hội đèn lồng

Ngày 8 tháng 3: Quốc tế Phụ nữ

Ngày 5 tháng 4: Ngày tảo mộ

Ngày 1 tháng 5: Quốc tế Lao động

Ngày 4 tháng 5: Ngày Thanh niên

Ngày 1 tháng 6: Ngày Quốc tế Thiếu nhi

Ngày Mừng 5 tháng 5 âm lịch: Lễ hội thuyền rồng



Ngày 1 tháng 7: Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Kỷ niệm ngày Hồng Kông được trao trả về Trung Quốc

Ngày 7 tháng 7: Kỷ niệm chiến tranh chống quân phát xít Nhật

Ngày 1 tháng 8: Ngày Quân đội

Ngày 10 tháng 9: Ngày Nhà giáo

Ngày 15 tháng 8 âm lịch: Tết Trung Thu

Ngày 1 tháng 10 (Quốc khánh Trung Quốc) 2 ngày nghỉ.

4. Du lịch

Là một đất nước rộng lớn và với bề dày lịch sử trên 5.000 năm, Trung Quốc ngày nay là một nơi hấp dẫn du lịch vào loại bậc nhất trên thế giới theo phong cách văn hóa Phương Đông. Năm 2000, Trung Quốc đón 84 triệu du khách nước ngoài (Kể cả Hongkong và Macao). Với 32 địa danh được UNESCO công nhận là di sản thế giới đến năm 2003, Trung quốc trở thành quốc gia xếp thứ 3 trên thế giới về sở hữu số lượng di sản thế giới (Di sản vật thể). Với địa hình đa dạng và với lịch sử phong kiến tập quyền hàng ngàn năm, ngành du lịch Trung Quốc vẫn đang trong quá trình tìm kiếm và khai quật khảo cổ những địa danh thiên nhiên và lịch sử sẽ làm sừng sốt thêm hàng triệu du khách và chắc chắn rằng con số mà UNESCO công nhận ở Trung quốc không dừng lại ở con số 32. Có thể nói, những di tích, những công trình kiến trúc, những hiện vật liên quan, thậm chí là những giai thoại lịch sử của người Trung quốc... cách đây hàng mấy trăm năm thậm chí hàng ngàn năm nhưng các chính quyền Trung Quốc trước nay phần lớn đều gìn giữ nguyên vẹn. Đây là một thế mạnh quan trọng nhất của ngành du lịch về loại hình văn hóa - lịch sử.

Hiện tại du lịch Trung quốc đã rất đa dạng về loại hình là nhằm mục đích phát triển đa dạng về nguồn khách. Ví dụ như muốn tìm hiểu đất nước Trung quốc trong 10 năm qua thì nên đến thành phố Thẩm Quyển; Trong 100 năm thì đến Thượng Hải; Trong 1.000 năm thì đến Bắc Kinh... Nhưng hầu hết khi nói đến du lịch Trung Quốc thì người ta nghĩ ngay đến các cảnh quan thiên nhiên huyền bí và các lăng tẩm, đền đài, thành lũy rất cổ kính và đồ sộ của người Trung quốc xưa. Và đó cũng là lý do để UNESCO công nhận, xếp hạng và bảo tồn các địa danh du lịch chính của Trung quốc hiện nay.

Sau đây là danh sách các địa danh du lịch nổi tiếng của Trung Quốc đã được UNESCO công nhận đến năm 2003.

Các kỳ quan được UNESCO công nhận

Tên địa danh	Năm xây dựng	Tỉnh/TP	Năm UNESCO công nhận	Thẻ loại
Vạn lý Trường thành	TK XII - IV TrCN.	Nhiều tỉnh thành	12/1987	Văn hóa
Cố Cung	1406 - 1420	Bắc Kinh	12/1987	Văn hóa
Hang đá Mạc Cao		Cam Túc	12/1987	Văn hóa
Lăng mộ Tần Thủy Hoàng và các tượng binh mã	246-208 TCN	Thiểm Tây	12/1987	Văn hóa
Di chỉ người vườn Bắc Kinh		Bắc Kinh	12/1987	Khảo cổ học
Núi Thái Sơn		Sơn Đông	12/1987	T. nhiên - V.



Tên địa danh	Năm xây dựng	Tỉnh/TP	Năm UNESCO công nhận	Thẻ loại
				hóa
Khu danh thắng Hoàng Sơn		An Huy	12/1990	T. nhiên - V. hóa
Khu danh thắng Võ Lăng Nguyên		Hồ Nam	12/1992	Thiên nhiên
Khu danh thắng Cửu Trại Câu		Tứ Xuyên	12/1992	Thiên nhiên
Khu danh thắng Thừa Đức	1703	Hà Bắc	12/1994	Văn hóa
Khổng Miếu, Khổng Phủ, Khổng Lâm	478 TCN	Sơn Đông	12/1994	Văn hóa
Núi Võ Đang		Hồ Bắc	12/1994	Văn hóa
Cung điện Potala	TK VII	Tây Tạng	12/1994	Văn hóa
Khu danh thắng Lư Sơn		Giang Tây	12/1996	Văn hóa
Nga Mi Sơn - Lạc Sơn Đại Phật		Tứ Xuyên	12/1996	T. nhiên - V. hóa
Di Hòa Viên		Bắc Kinh	12/1998	Văn hóa
Thiên Đàn		Bắc Kinh	12/1998	Văn hóa
Lăng tẩm hoàng gia Minh-Thanh		Bắc Kinh	10/2000	Văn hóa
Thành cổ Bình Dao		Sơn Tây	12/1997	Văn hóa
Tô Châu Viên Lâm		Giang Tô	12/1997	Văn hóa
Thành cổ Lệ Giang		Vân Nam	12/1997	Văn hóa
Thôn cổ Tây Đệ - Hoành thôn		An Huy	12/2000	Văn hóa
Vũ Di Sơn		Phúc Kiến	12/1999	Văn hóa
Điêu khắc Đại Túc		Trùng Khánh	12/1999	Văn hóa
Núi Thanh Thành - Công trình thủy lợi Đô Giang Yển		Tứ Xuyên	12/2000	T. nhiên - V. hóa
Hang đá nhân tạo Long Môn		Hà Nam	12/2000	Văn hóa
Hang đá Vân Cương		Sơn Tây	2001	Văn hóa
Khu lịch sử Ma Cao		Ma Cao	2005	Văn hóa
Vùng Tam Giang		Vân Nam	12/2003	Thiên nhiên
Ân Khư	khoảng thế kỷ 2 TCN	Hà Nam	2006	Văn hóa



Tên địa danh	Năm xây dựng	Tỉnh/TP	Năm UNESCO công nhận	Thẻ loại
Khu danh thắng Hoàng Long		Tứ Xuyên	1992	Thiên nhiên
Khu bảo tồn Gấu Trúc Lớn tại Tứ Xuyên		Tứ Xuyên	2006	Thiên nhiên

5. Con người

Trung Quốc là quốc gia đa dân tộc với 56 dân tộc được chính thức công nhận. Trung Quốc là nước có dân số lớn nhất thế giới khoảng hơn 1,3 tỉ người. Dân tộc chủ yếu là người Hán chiếm tới 91,5%, dân tộc Choang, Mãn, Hồi, Miêu, người Duy Ngô Nhĩ, Tujia, Yi, Mông Cổ, Tây Tạng, Buyi, Đồng, Yao, Hàn Quốc, và các dân tộc khác 8,5% . Ngay người Hán cũng là một dân tộc tương đối không đồng nhất về mặt chủng tộc, có thể coi như là sự kết hợp giữa nhiều nhóm dân tộc khác nhau cùng chia sẻ những đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ chung. Người Kinh (người Việt) tạo thành một nhóm nhỏ tập trung ở vùng ven biển Quảng Tây.

Là một nước đông dân, chính phủ có chính sách hạn chế phát triển dân số, chính sách này yêu cầu các gia đình ở các vùng đô thị (ngoại trừ các dân tộc "thiểu số" như Tây Tạng) chỉ nên có một con còn các hộ gia đình ở các vùng nông thôn có thể có hai con nếu con đầu là gái. Do ở các vùng nông thôn, người con trai được coi có lợi về mặt kinh tế hơn cộng với yếu tố văn hóa, tâm lý truyền thống của người Trung Quốc là chuộng con trai hơn, do vậy có vẻ như tỷ lệ phá thai chọn giới tính và vứt bỏ trẻ sơ sinh khá cao ở những vùng nông thôn. Đặc biệt chính sách này chỉ áp dụng đối với người Hán. Và ngày càng có nhiều viện cô nhi nuôi trẻ em bị bỏ rơi, và khoảng 98% những trẻ em này không có ai nhận làm con nuôi mà sống hẳn trong các viện này cho đến lúc trưởng thành. Trước tình hình đó, Trung Quốc đã mở một chương trình nhận con nuôi quốc tế nhưng hiện cũng chỉ đáp ứng được một tỷ lệ nhỏ những trẻ em này.

Kết quả là năm 2000 tỷ lệ giới tính của trẻ sơ sinh tại Trung Quốc là 177 bé trai so với 100 bé gái, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ tự nhiên (106 trên 100). Mặc dù có thể giải thích bằng những nguyên nhân đề cập ở trên, có một nguyên nhân nữa cũng phải kể ra là do tỷ lệ mắc bệnh viêm gan cao ở người Trung Quốc (xem phần nói về sức khỏe cộng đồng dưới đây). Do vậy chính phủ CHNDTH đã cố gắng xử lý vấn đề này bằng cách đề cao hơn vai trò của người phụ nữ và lên án những trung tâm y tế và bác sỹ nào cho cha mẹ của đứa trẻ sắp sinh biết trước giới tính của nó. Sự bất cân đối trong tỷ lệ giới tính khiến cho khoảng 30-40 triệu đàn ông Trung Quốc không thể lấy vợ Trung Quốc được. Ngoài việc di cư gia tăng (hoặc có thể khiến tình trạng đa phu trở nên phổ biến), tình hình này cũng có thể làm gia tăng số lượng mại dâm, hoặc thậm chí có những trường hợp bắt cóc, mua bán phụ nữ từ nước ngoài hay từ các vùng quê hẻo lánh. Các vùng có mật độ dân cư đông nhất là: Đồng bằng Hoàng Hà, Trường Giang, Châu Giang và vùng đông bắc. Vùng miền núi phía tây gồm Tây Tạng, Tân Cương... dân cư thưa thớt.

Các nhóm sắc tộc tại Trung Quốc (theo phân loại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)

A Xương · Bạch · Bảo An · Blang (Bồ Lăng) · Bồ Y · Kachin (Cảnh Pha) · Cao Sơn · Hà Nhì (Cáp Nê) · Choang · Jino (Cơ Nặc) · Dao · Lô Lô (Di) · Yugur (Dụ Cố) · Uyghur (Duy Ngô Nhĩ) · She (Dư/Xa)

Daur (Đạt Oát Nhĩ) · Độc Long · Động · Đông Hương · Palaung (Đức Ngang) · Nanai (Hách Triết) · Hán · H'Mông (Miêu) · Hồi · Kazakh (Cáp Tát Khắc) · Kirgiz (Kha Nhĩ Khắc Tư) · Khương · Kinh · Lhoba (Lạc Ba)

La hủ (Lạp Hổ) · Lisu (Lật Túc) · Lê · Mãn · Mao Nam · Monpa (Môn Ba) · Mông Cổ · Mulao (Mục Lão) · Naxi (Nạp Tây) · Nga (Nga La Tư) · Evenk (Ngạc Ôn Khắc) · Oroqen (Ngạc Xuân Luân) · Cờ lao (Ngật Lão)



Va (Ngõa) · Nô · Uzbek (Ô Tư Biệt Khắc) · Pumi (Phổ Mễ) · Salar (Tát Lạp) · Tạng · Thái · Tajik (Tháp Cát Khắc) · Tatar (Tháp Tháp Nhĩ) · Thổ · Thổ Gia · Thủy · Xibe (Tích Bá) · Triều Tiên

6. Quan hệ quốc tế

Tôn chỉ của chính sách ngoại giao Trung Quốc là bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cùng phát triển. Trung Quốc sẽ giương cao ngọn cờ hòa bình, phát triển và hợp tác, kiên trì chính sách ngoại giao hoà bình, độc lập tự chủ, kiên định đi con đường phát triển hòa bình, kiên trì phát triển quan hệ với tất cả các nước trên cơ sở năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, cùng với cộng đồng quốc tế dốc sức vào sự nghiệp cao cả vì hòa bình và phát triển của loài người.

Sau khi Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, quan hệ ngoại giao Trung Quốc đã mở ra trang sử mới.

Từ năm 1949 đến cuối những năm 50 thế kỷ 20, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa. Sau hội nghị Băng -đung In -đô-nê-xi-a, một số nước châu Á và châu Phi lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Đến năm 1956, đã có 25 nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Từ cuối những năm 50 đến cuối những năm 60 thế kỷ 20, Trung Quốc lần lượt ký hiệp ước hữu nghị và hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật với những nước Ghi -nê, Ga-na, Ma-li, Gông-gô, Tan-da-ni-a và v... ủng hộ đấu tranh vũ trang giành độc lập của những nước Ăng -gô-la, Ghi-nê Bít-xao, Mô-dăm-bích, Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a và đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc người da trắng của nhân dân Nam Phi. Giải quyết vấn đề biên giới do lịch sử để lại và ký hiệp ước biên giới với các nước Mi -an-ma, Nê-pan, Mông Cổ, Áp-ga-ni-xtan, ký với Pa-ki-xtan hiệp định biên giới giữa khu vực phòng thủ thật sự được kiểm soát ở Tân Cương Trung Quốc và Pa -ki-xtan. Giải quyết với In -đô-nê-xi-a vấn đề hai quốc tịch của hoa kiều ở In -đô-nê-xi-a. Đến năm 1969, đã có 50 nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Bước ngoặt quan trọng trong nền ngoại giao Trung Hoa mới là vào tháng 10 năm 1971. Năm đó, với sự ủng hộ của đông đảo nước đang phát triển, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 26 thông qua nghị quyết số 2758 với đa số phiếu áp đảo, khôi phục mọi quyền lợi hợp pháp của Trung Quốc tại Liên hợp quốc và trực xuất ngay đại diện của tập đoàn Quốc Dân Đảng từ Liên hợp quốc cũng như tất cả các cơ quan của Liên hợp quốc. Từ đó về sau, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với tuyệt đại đa số nước Phương Tây, đây là cao trào thiết lập quan hệ ngoại giao lần thứ ba.

Từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80 thế kỷ trước, dưới sự chỉ dẫn của tư tưởng ngoại giao Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc bình thường hoá quan hệ với Mỹ, Nhật và các nước Tây Âu, cải thiện quan hệ ngoại giao với Liên Xô, phát triển toàn diện quan hệ với các nước thế giới thứ ba. Cải thiện và phát triển quan hệ với các nước xung quanh và đông đảo các nước đang phát triển. Để giải quyết thoả đáng vấn đề Hồng Công và Ma -cao, Trung Quốc và Anh cũng như Bồ Đào Nha thông qua đàm phán ngoại giao lần lượt phát biểu Tuyên bố chung vào tháng 12 năm 1984 và tháng 4 năm 1987, xác nhận Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa khôi phục thi hành chủ quyền đối với Hồng Công và Ma -cao vào ngày 1 tháng 7 năm 1997 và ngày 20 tháng 12 năm 1999.

Từ những năm 90 thế kỷ 20, tập thể lãnh đạo thứ ba với nòng cốt là đồng chí Giang Trạch Dân kế thừa và quán triệt sáng tạo tư tưởng ngoại giao và chính sách ngoại giao tự chủ và hoà bình của đồng chí Đặng Tiểu Bình, tích cực phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới trên 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, cùng nhau thúc đẩy việc thiết lập trật tự chính trị và kinh tế quốc tế mới. Lần lượt khôi phục quan hệ ngoại giao với In -đô-nê-xi-a, thiết lập quan hệ ngoại giao với Xin -ga-po, Bru-nây và Hàn Quốc, bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Mông Cổ.



Năm 1996, chủ tịch Giang Trạch Dân sang thăm ba nước Nam Á, thông qua thương lượng xác định, Trung Quốc và Ấn Độ thiết lập quan hệ đối tác mang tính xây dựng hướng tới thế kỷ 21. Trung Quốc và Pa-ki-xtan thiết lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện hướng tới thế kỷ 21, Trung Quốc và Nê-pan thiết lập quan hệ đối tác láng giềng thân thiện vĩnh viễn. Trung Quốc tích cực phát triển quan hệ với các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ-la tinh cũng như các nước Đông Âu và Trung Âu, củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ với các nước châu phi phía Nam Sa-ha-la. Trung Quốc không ngừng phát triển quan hệ với các nước Mỹ-La tinh. Đã có 19 nước châu Mỹ-La tinh thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Một số nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc cũng bắt đầu xem xét việc phát triển quan hệ với Trung Quốc.

Trung Quốc khẳng định kiên trì đi theo con đường phát triển hòa bình. Với thế và lực không ngừng gia tăng, Trung Quốc nêu cao ngọn cờ “xây dựng thế giới hài hoà, Châu Á hài hoà”, tích cực tham gia vào các vấn đề quốc tế như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, giảm đói nghèo, các điểm nóng khu vực, phát huy vai trò nước lớn “có trách nhiệm”; Trung Quốc bắt tay vào thực hiện chính sách “Ngoại giao nước lớn” với việc ưu tiên duy trì ổn định quan hệ với Mỹ, tăng cường quan hệ với Nga, Ấn Độ, Brazil; đẩy mạnh quan hệ với Nhật Bản, mở rộng hợp tác với EU; Đồng thời Trung Quốc cũng không quên tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á, Châu Phi, Mỹ La tinh... Với khu vực, Trung Quốc đặt trọng tâm vào các nước láng giềng xung quanh, đẩy mạnh chính sách “mục lân, an lân, phú lân”(hữu nghị với láng giềng, yên ổn với láng giềng và làm giàu với các nước láng giềng), xây dựng khuôn khổ quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện và ổn định lâu dài với các nước ở các mức độ khác nhau. Đồng thời, tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác khu vực, liên khu vực như ASEAN +1, ASEAN +3, Cấp cao Đông Á, Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), APEC, đề xướng và đẩy mạnh triển khai khu mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN (CAFTA). Trung Quốc luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác và phát triển, duy trì môi trường hòa bình thế giới và khu vực. Tuy nhiên, những nỗ lực đó của Trung Quốc vẫn đang được thế giới kiểm chứng, đặc biệt là trong vấn đề biển Đông.

Trung Quốc đã tham gia các tổ chức quốc tế sau:

AfDB, APEC, APT, ARF, AsDB, ASEAN (đối tác đối thoại), BCIE, BIS, CDB, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCS, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM (quan sát viên), IPU, ISO, ITU, LAIA (quan sát viên), MIGA, MINURSO, MONUC, NAM (quan sát viên), NSG, OAS (quan sát viên), ONUB, OPCW, PCA, PIF (đối tác), SAARC (quan sát viên), SCO, UN, UN Security Council, UNAMSIL, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNITAR, UNMEE, UNMIL, UNMIS, UNMOVIC, UNOCI, UNTSO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WToO, WTO, ZC

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Gần 30 năm thực hiện cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn trên thế giới. Từ năm 1979 đến 2005, GDP bình quân hàng năm của Trung Quốc tăng trên 9,4%, đạt mức cao nhất thế giới. Tính riêng năm 2005, năm cuối cùng thực hiện "Kế hoạch 5 năm lần thứ 10", GDP của Trung Quốc tăng trưởng 9,9%, đạt khoảng 2200 tỷ USD (gấp 50 lần so với năm 1978), xếp thứ 4 thế giới; thu nhập bình quân của cư dân ở thành thị đạt khoảng 1295 USD, ở nông thôn đạt khoảng 403 USD. Về kinh tế đối ngoại, Trung Quốc kết thúc thời gian quá độ sau khi gia nhập WTO; tổng kim ngạch thương mại đạt 1422 tỷ USD, tăng 23,2%, xếp thứ 3 thế giới (gấp 60 lần so với năm 1978); dự trữ ngoại tệ đạt 941 tỷ USD, đứng đầu thế giới. Kể từ năm 2003, Trung Quốc đã vượt Mỹ trở thành nước thu hút đầu tư nước ngoài FDI lớn nhất thế giới; năm 2005 FDI thực tế đạt 60,3 tỷ USD, đưa tổng số vốn đầu tư thực tế vượt 620 tỷ USD. Năm 2009 tăng trưởng kinh



tế Trung Quốc đạt 2 % với mức dự trữ ngoại tệ đạt 2.399,152 tỷ đô la. tương đương Năm 2011, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc đạt 9,5%, tương đương tăng trưởng GDP 6.989 tỷ USD. Trong 2010-2011 , Trung Quốc phải đối mặt với lạm phát cao, một số biện pháp thắt chặt xuất hiện để lạm phát được kiểm soát, nhưng cũng do đó tăng trưởng GDP giảm xuống dưới 8 % trong năm 2012. Năm 2013, GDP (PPP) Trung Quốc với tốc độ tăng trưởng 7,8%, ước tính đạt 12.610 tỷ USD, xếp vị trí thứ 20 trên thế giới. Theo ước tính, GDP Trung Quốc năm 2014 có thể vượt qua Mỹ đứng thứ 1 với con số 17.631 tỷ đô la, chiếm 16,5% GDP toàn cầu.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Sản lượng sản xuất nhiều sản phẩm đứng hàng đầu thế giới. Từ một nước nghèo hàng hoá khan hiếm và thường xuyên phải nhập một khối lượng lớn lương thực, gần đây Trung Quốc đã vượt lên đứng đầu thế giới về sản lượng nhiều loại sản phẩm như: ngũ cốc (512 triệu tấn/1998), bông (6,32 triệu tấn/2004), hạt có dầu (30,57 triệu tấn/2004), thịt (41,2 triệu tấn), thép 273 triệu tấn/2004, than (1,956 tỷ tấn/2004), vải (24,87 tỷ m²), xi măng: 970 triệu tấn (2004)...; đồng thời Trung Quốc cũng đứng thứ hai thế giới về sản lượng điện (1135,6 tỷ Kw), phân hoá học (28,2 triệu tấn), về số thuê bao Internet. Trung Quốc cũng đứng thứ 3 thế giới về sản xuất ô tô, với 5,2 triệu chiếc (2004).

Hiện nay, Trung Quốc là nước thứ 4 sau Mỹ, Nhật và Đức về sản xuất hàng công nghiệp hiện đại. Trung Quốc đứng đầu thế giới về 35 loại sản phẩm công nghiệp như: máy thu hình màu, máy giặt, tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, máy tính, máy điện thoại kỹ thuật số, lò vi sóng, VCD, điện thoại di động, máy fax, xe máy, xe đạp, linh kiện máy tính, tơ lụa, trang phục... với hơn 40 loại sản phẩm có sản lượng chiếm trên 50% tổng sản lượng thế giới. Các toại hàng hoá này đều chiếm ưu thế trên thế giới về số lượng tuyệt đối hay về giá cả.

Nông nghiệp

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và là một trong những nước sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất. Theo chương trình lương thực của liên hiệp quốc, vào năm 2003, Trung Quốc đóng góp tới 20% dân số thế giới trong khi chỉ 7% khu vực đất trồng. Trung quốc xếp hàng đầu về sản lượng lương thực đầu ra, do ảnh hưởng của các nhân tố địa lý và khí hậu, chỉ khoảng 10-15% tổng số đất trồng là thích hợp để canh tác. Ngày nay, nông nghiệp chỉ đóng góp 10,6% GDP của Trung quốc

Khoảng 39,5% dân số lao động của Trung Quốc làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Có khoảng 300 triệu công nhân lao động trong các nông trại. Trung Quốc là nước sản xuất lúa gạo lớn nhất thế giới và gạo cũng một trong những nguồn lương thực quan trọng là lúa mì, ngô, thuốc lá, lạc, bông, khoai tây, đậu phộng, chè, kê, lúa mạch, thịt lợn. Xuất khẩu nông nghiệp như rau quả, cá, tôm, ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt được xuất khẩu sang Hong Kong. Lợi nhuận thu được cao bởi sự canh tác chuyên sâu, ví dụ, khu vực đất trồng của Trung Quốc chỉ bằng 75% so với diện tích đất trồng của Mỹ nhưng Trung Quốc vẫn sản xuất nhiều hơn khoảng 30% vụ mùa và vật nuôi so với Mỹ.

Miền tây Trung Quốc gồm có Tibet, Xinjiang, và Qinghai có rất ít diện tích đất nông nghiệp ngoại trừ khu vực trồng hoa và chăn nuôi gia súc. Lúa gạo, là cây trồng quan trọng nhất của Trung Quốc, được trồng nhiều hơn ở các tỉnh miền nam, rất nhiều tỉnh cho thu hoạch hai vụ một năm. Tại phía bắc, lúa mì là cây quan trọng nhất, trong khi đó tại trung tâm Trung quốc thì lúa mì và lúa gạo cạnh tranh với nhau ở vị trí quan trọng hàng đầu. Cây kê và cao lương (một loại hạt ngũ cốc) đang được trồng chủ yếu ở các vùng đông bắc và một số tỉnh trung tâm, và cùng với một số khu vực phía bắc cũng đóng góp số lượng đáng kể về lúa mạch. Hầu hết các loại cây trồng họ đậu đều xuất phát từ miền bắc và đông bắc. Ngô được trồng ở trung tâm và các khu vực phía bắc trong khi chè được trồng chủ yếu từ các vùng núi cao của miền đông nam. Cây bông được trồng hầu khắp các tỉnh trung tâm nhưng cũng rải rác ở các tỉnh



đông nam và ở phía bắc. Cây thuốc lá được trồng ở vùng trung tâm và các vùng phía nam. Các cây trồng quan trọng khác khoai tây, củ cải đường và cây lấy dầu.

Nghề nuôi gia súc đứng thứ hai về tầm quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. Trung Quốc là nước dẫn đầu về sản xuất thịt lợn, thịt gà, trứng và cũng có những đàn gia súc có quy mô như cừu, bò. Từ giữa những năm 1970, Trung Quốc đã nhấn mạnh hơn về sản lượng đầu ra của vật nuôi. Trung quốc có truyền thống về nghề chế biến, nuôi cá nước ngọt và nuôi trồng thủy sản. Nghề chăn nuôi luôn luôn đóng vai trò quan trọng và ngày càng được nhấn mạnh để phụ thêm nghề nuôi cá vùng ven và nội địa đang bị đe dọa bởi việc đánh bắt cá quá mức và cũng cung cấp các loại hàng hóa xuất khẩu có giá trị ví dụ như tôm hùm.

Công nghiệp và chế tạo

Công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 48% GDP của Trung Quốc. Khoảng 8% tổng số đầu ra hàng chế tạo trên thế giới đến từ Trung Quốc. Trung Quốc xếp thứ 3 trên thế giới về hàng đầu ra công nghiệp. Công nghiệp chủ yếu là mỏ, xử lý quặng, sắt thép, nhôm, than đá, máy móc, vũ khí, hàng dệt may, dầu mỏ, xi măng, hóa chất, phân bón, chế biến thức ăn, sản xuất ô tô và các phương tiện giao thông khác bao gồm ô tô ray, đầu máy xe lửa, tàu thủy, máy bay, hàng tiêu dùng gồm giấy dép, đồ chơi, hàng điện tử, hàng công nghệ viễn thông. Trong rất nhiều các ngành công nghiệp khác nhau, chế tạo máy móc và công nghiệp luyện kim nhận được nhiều ưu tiên cao nhất. Hai khu vực này bản thân đã chiếm khoảng 20-30% tổng giá trị của đầu ra công nghiệp.

Việc tập trung cũng dễ nhận thấy là phát triển công nghiệp hóa chất để mở rộng sản xuất đầu ra của phân bón hóa học, nhựa và sợi tổng hợp. Sự phát triển ngành công nghiệp này đã xếp Trung quốc vào hàng những nước sản xuất hàng đầu thế giới về phân bón hóa học.

Về lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, tập trung chủ yếu vào hàng dệt may và quần áo, việc này đóng một phần quan trọng vào xuất khẩu của Trung Quốc. Công nghiệp sản xuất hàng dệt may có tỷ trọng tăng trưởng nhanh chóng gồm cả sợi tổng hợp ước tính khoảng 10% sản lượng đầu ra và tiếp tục đóng vai trò quan trọng nhưng ít hơn nhiều trước đây.

Năng lượng và khoáng sản

Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006-2010) được thông báo năm 2005 và được quốc hội tán thành vào tháng 3/2006 kêu gọi các biện pháp bảo tồn năng lượng nhiều hơn nữa bao gồm phát triển những nguồn năng lượng tái tạo mới và tăng cường chú ý tới vấn đề bảo vệ môi trường. Hướng dẫn kêu gọi giảm đến 20% tiêu dùng năng lượng trên một đơn vị GDP đến năm 2010. Chuyển hướng từ than đá tới dùng các nguồn năng lượng sạch hơn như dầu mỏ, khí tự nhiên, năng lượng tái tạo mới và năng lượng hạt nhân là phần quan trọng trong chương trình phát triển của Trung Quốc. Bắc Kinh cũng có ý định tiếp tục nâng cấp hiệu quả sử dụng năng lượng và thúc đẩy sử dụng công nghệ than đá sạch. Trung Quốc cũng có nguồn thủy điện dồi dào, ví dụ đập Tam Hiệp sẽ có công suất tổng số là 18 gigawatts khi được khai thác đầy đủ (dự án đến năm 2009). Hơn nữa, phần đóng góp của điện kết hợp bởi năng lượng hạt nhân và dự án phát triển từ 1% trong năm 2001 đến 5% vào năm 2030. Luật năng lượng tái tạo mới, có hiệu lực năm 2006 kêu gọi 10% năng lượng phải từ các nguồn năng lượng tái tạo mới năm 2020.

Du lịch

Trong những năm vừa qua, đầu tư vào ngành du lịch của Trung Quốc chiếm tỉ trọng và thị phần ngày càng lớn, là một trong số ít ngành dẫn đầu về doanh thu hàng năm. Tính chung ngành dịch vụ của Trung Quốc hiện đóng góp đến 30% vào GDP của nước này. Du lịch hiện đang nhanh chóng phát triển, trở thành một động lực lớn của nền kinh tế. Du lịch chính là nguồn cơ hội việc làm ngày càng lớn và ổn định. Mặc dù chỉ trực tiếp đóng góp một phần nhỏ trong thị trường lao động toàn quốc, du lịch đã tạo



hiều cơ hội cho những việc làm gián tiếp. Do đó, Trung Quốc đã đặt vấn đề phát triển du lịch thành một trong những ưu tiên hàng đầu trong “Kế hoạch 5 năm lần thứ 11.”

Trung Quốc là một trong những thị trường thu hút khách du lịch lớn nhất tại Châu Á, chiếm gần 34% tổng số khách du lịch đến trong khu vực;

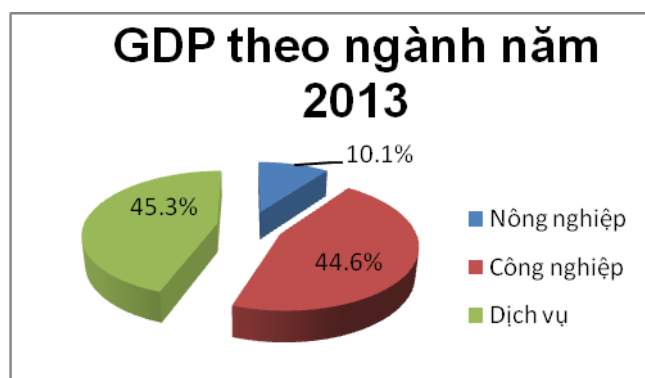
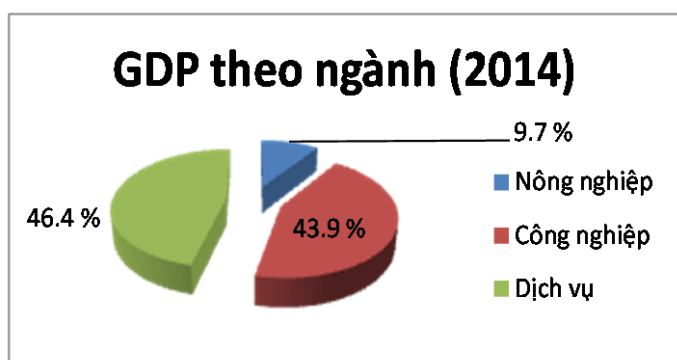
Trong thập kỷ tới, Trung Quốc sẽ vươn lên trở thành nước có ngành công nghiệp du lịch và lữ hành lớn thứ hai sau Mỹ;

Hầu hết việc tăng trưởng du lịch tại Châu á sẽ bị chi phối bởi Trung Quốc, hiện tại nước này đang có con số khách du lịch đến cao nhất, chiếm khoảng 34% tổng số lượng khách trong khu vực;

Khu vực du lịch của Trung Quốc sẽ tiếp tục nhận được những hỗ trợ cải tổ về chính sách của Chính phủ theo việc tham gia WTO của TQ;

Những hoạt động kết nối quốc tế đang gia tăng và việc thiết lập những chuỗi khách sạn cao cấp tại Trung Quốc để chuẩn bị cho Olympic Bắc Kinh 2008 sẽ mở ra những cơ hội to lớn cho ngành công nghiệp này.

3. Các chỉ số kinh tế



	2012	2013	2014
GDP (ppp)	15,25 tỷ USD	16,42 tỷ USD	17,63 tỷ USD đứng vị trí số 1 trên toàn TG
Tăng trưởng GDP	7,7%	7,7%	7,4%
GDP theo đầu người	11 300 USD	12 100 USD	12 900 USD
GDP theo ngành (2014)	Nông nghiệp: 9,7%; Công nghiệp: 45,3%; Dịch vụ: 45%		Nông nghiệp: 9,7%; Công nghiệp: 43,9%; Dịch vụ: 46,4%
Lực lượng lao động	1,0024 tỉ người	797,6 triệu người	801,6 triệu người
Tỷ lệ thất nghiệp		4,1%	4,1% đứng thứ 36 thế giới
Tỷ lệ lạm phát	3,1%	2,6%	2,1%



Mặt hàng nông nghiệp	gạo, lúa mì, khoai tây, ngũ cốc, đậu phộng, trà, hạt kê, lúa mạch, táo, bông, sò, thịt lợn, cá.		
Các ngành công nghiệp	khai khoáng, sắt, thép, aluminum và các kim loại khác, than đá; sản xuất máy móc; vũ khí quân sự; than, dệt may, đồ thêu; dầu mỏ; xi măng; hóa chất; phân bón; sản phẩm tiêu dùng (bao gồm giấy dép, đồ chơi, và điện tử...); thực phẩm chế biến; thiết bị vận chuyển (bao gồm ô tô, xe ô tô đường sắt, đầu máy xe lửa, tàu, và máy bay...); thiết bị viễn thông, xe không gian khởi động thương mại, vệ tinh.		
Tăng trưởng công nghiệp		7,7%	7,3% đứng thứ 27 thế giới
Kim ngạch xuất khẩu	1.899 tỷ USD	2.210 tỷ USD	2.252 tỷ USD đứng thứ 1 thế giới
Mặt hàng chính	Điện và các máy móc thiết bị (bao gồm xử lý dữ liệu, may mặc, thiết bị cầm tay, điện thoại vô tuyến, dệt may, mạch tích hợp		
Thị trường xuất khẩu chính	Hong Công 17,4%, US 16,7%, Nhật Bản 6,8%, Hàn Quốc 4,1 % (ước tính năm 2013)		
Kim ngạch nhập khẩu	1.817 tỷ USD	1.949 tỷ USD đứng thứ 3 thế giới	
Mặt hàng chính	điện và các máy móc, dầu và nhiên liệu khoáng sản, thiết bị quang học và y tế, quặng kim loại, nhựa, hóa chất hữu cơ, xe có động cơ		
Thị trường nhập khẩu chính	Hàn Quốc 9,4%, Nhật Bản 8,3 %, Đài Loan 8%, US 7,5%, Đức 4,8%, Australia (4,7%) ước tính năm 2013		

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 18.1.1950

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Đến nay, hai nước đã ký 49 hiệp định và 25 các văn kiện khác ở cấp nhà nước, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước. Hai bên đã khai thông đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hoá và hành khách giữa hai nước. Trao đổi đoàn ở trung ương và địa phương ngày càng tăng, hàng năm hai bên trao đổi trên 100 đoàn ở cấp lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng hợp tác giữa hai nước.

Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm 16 chữ phát triển quan hệ hai nước trong thế kỷ 21 là "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Nhân dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 12/2000, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới, cụ thể hoá phương châm 16 chữ đó thành những biện pháp cụ thể phát triển quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực. Hai bên cũng nhất trí xây dựng quan hệ hai nước theo tinh thần 4 tốt: "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt".

Các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì đều đặn hàng năm qua các chuyến thăm song phương có ý nghĩa quan trọng xác định phương hướng phát triển quan hệ, tăng cường sự tin cậy



lẫn nhau giữa hai nước. Trong năm 2005 đã diễn ra các sự kiện quan trọng trong quan hệ hai nước: Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 7/2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào thăm Việt Nam tháng 11/2005 và cuộc gặp song phương giữa Thủ tướng Phan Văn Khải và Thủ tướng Ôn Gia Bảo bên lề Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác tiểu vùng sông Mê – Kông mở rộng lần thứ 2 tại Côn Minh (7/2005), đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ hai nước, sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau được nâng lên một bước. Lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí sẽ thường xuyên gặp gỡ với hình thức linh hoạt để trao đổi ý kiến về quan hệ song phương và các vấn đề quốc tế cùng quan tâm. Đặc biệt hai bên nhấn mạnh cần tăng cường giáo dục tuyên truyền về tình hữu nghị Việt-Trung trong nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ hai nước.

Quan hệ hợp tác giữa các ngành quan trọng như ngoại giao, quốc phòng, an ninh của hai nước được tăng cường thêm một bước với việc ký các thỏa thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12/2002), hai Bộ Công an (9/2003), hai Bộ Quốc phòng (10/2003). Việc giao lưu giữa thế hệ trẻ 2 nước được tổ chức thường xuyên với nội dung phong phú, thiết thực.

Phía Việt Nam đã lập Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu (1993), Hongkong (1994). Việt Nam mở thêm hai Tổng lãnh sự quán tại Côn Minh (Vân Nam) và Nam Ninh (Quảng Tây), Trung Quốc tháng 5/2004, và Văn phòng Lãnh sự tại Thượng Hải tháng 11/2008. Phía Trung Quốc lập Tổng lãnh sự quán Trung Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh (1993).

Mối quan hệ Việt-Trung đã vượt qua thử thách của thời gian để phát triển thuận lợi như hiện nay là kết quả kiên trì phấn đấu không mệt mỏi và rất đáng trân trọng của hai Đảng và nhân dân hai nước. Một số vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ hai nước (vấn đề biên giới...) đã từng bước được giải quyết, và vấn đề duy nhất còn tồn đọng là vấn đề Biển Đông cũng đang được hai nước chú trọng để tìm ra phương án thích hợp, không làm ảnh hưởng đến quan hệ láng giềng hữu nghị hai nước. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp như hiện nay, việc củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam-Trung Quốc không những có tầm quan trọng đặc biệt đối với lợi ích của mỗi nước mà còn có ý nghĩa to lớn đối với hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

1. Các chuyến thăm cao cấp gần đây

- Đoàn Trung Quốc thăm Việt Nam: Tỉnh trưởng Tỉnh Quảng Đông Hoàng Hoa Hoa (tháng 10/2009); Tỉnh trưởng Tỉnh Hải Nam La Bảo Danh (tháng 8/2009); Phó tỉnh trưởng tỉnh Hải Nam Lý Quốc Lương (tháng 11/2009). Chủ tịch Tỉnh Quảng Tây Mã Tiêu (tháng 9/2010); Chủ tịch tỉnh Vân Nam Lý Kỳ Hằng (tháng 4/2012)
- Đoàn Việt Nam thăm Trung Quốc: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (tháng 4/2010); Bộ trưởng Bộ Văn Hóa Nguyễn Tuấn Anh (tháng 8/2010); Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng (tháng 10/2010); Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (tháng 10/2011).
- Nhận lời mời của Bộ trưởng Ngoại giao nước CHND Trung Hoa Dương Khiết Trì, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh đã thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 12 đến 15/2/2012.
- Từ ngày 19 đến 21/6/2013, nhận lời mời của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
- Từ ngày 3 đến 6/8/2013, Nhận lời mời của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị thăm chính thức Việt Nam.
- Tháng 9/2013, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam tiến hành chuyến công tác tại Hội chợ Triển lãm ASEAN-Trung Quốc (CAEXPO) và Hội nghị Thượng đỉnh Đầu tư-Thương mại ASEAN-Trung Quốc (CABIS) lần thứ 10 tại thành phố Nam Ninh, Trung Quốc.



- 10/2013, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Khắc Cường thăm chính thức Việt Nam.
- Tháng 4/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc.

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

1. Hợp tác thương mại

Từ năm 2004, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Năm 2007 kim ngạch hai chiều đã đạt hơn 15 tỉ USD, năm 2008 đạt trên 19 tỷ USD, hoàn thành trước thời hạn 3 năm mục tiêu mà lãnh đạo 2 nước đề ra là đến năm 2010 kim ngạch thương mại song phương sẽ đạt 15 tỉ USD. Từ đó đến nay kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước liên tục tăng không ngừng. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho kinh tế hai bên trong thời kỳ khủng hoảng chung của thế giới những năm gần đây.

Năm 2014 mặc dù gặp phải những khó khăn trong việc tranh chấp chủ quyền biển Đông nhưng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc vẫn đạt 58,6 tỉ USD tăng 16,8 % so với năm 2013 trong đó kim ngạch nhập khẩu đạt 43,71 tỉ USD tăng 18,3% so với năm 2013 và kim ngạch xuất khẩu đạt 14,9 tỉ USD tăng 12,6 % so với năm 2013. (chi tiết xem bảng dưới đây)

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
VN xuất	4.343	4.747	7.309	11.126	12.388	13.259	14.931
VN nhập	15.122	16.301	20.019	24.593	28.785	36.954	43.710
Kim ngạch XNK	19.464	21.048	27.328	35.719	41.173	50.213	58.641

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Trung Quốc qua các năm

(Đơn vị: triệu USD – Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam)

Hiện nay Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc hơn 100 mặt hàng, gồm 4 nhóm hàng chính sau:

Hàng nhiên nguyên liệu: dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu (cây làm thuốc)...

Hàng nông sản: lương thực (gạo, sắn khô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều

Hàng thủy sản: thủy sản tươi sống, thủy sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản như: rắn, rùa, ba ba... tự nhiên hoặc được nuôi thả.

Hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo...

Việt nam nhập khẩu từ Trung Quốc bao gồm: các sản phẩm của công nghiệp chế tạo, công nghiệp chế biến (xăng dầu, máy móc thiết bị, phụ tùng, phân bón, sắt thép...). Việt Nam nhập siêu với khối lượng lớn và cơ cấu hàng hoá trao đổi như vậy là chưa hợp lý và Việt Nam ở thế bất lợi.

Mặt hàng Nhập khẩu	Năm 2014	Mặt hàng Xuất khẩu	năm 2014
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	7.852.896.584	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.191.327.684
Điện thoại các loại và linh kiện	6.346.195.486	Xơ, sợi dệt các loại	1.245.020.096
Vải các loại	4.660.222.791	Dầu thô	1.229.000.896
Máy vi tính, sản phẩm	4.571.774.194	Sắn và các sản phẩm từ	963.814.232



điện tử và linh kiện		sản	
Sắt thép các loại	3.810.663.344	Gạo	890.894.731

Top 5 Mặt hàng XNK Việt Nam – Trung Quốc năm 2014

(Đơn vị USD – Nguồn Tổng Cục Hải quan)

2. Hợp tác đầu tư

Các nhà đầu tư Trung Quốc bắt đầu vào Việt Nam từ tháng 8/1999 với 2 dự án có tổng vốn 15,35 triệu USD đầu tư xây dựng chợ Sắt (Hải Phòng) và kinh doanh nhà hàng ăn Trung Quốc (Hà Nội). Tính đến hết năm 2008 đã có hơn 600 dự án Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đầu tư lên tới 2 tỷ USD (riêng năm 2008 có 58 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 275,25 triệu USD, tổng vốn thực hiện đạt 102,81 USD)

Về đầu tư, tính đến tháng 3/2015, số dự án đầu tư Trung Quốc vào Việt Nam là 1112 dự án, tổng vốn đầu tư là 7,988 tỷ USD đứng thứ 9 trong tổng số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đang đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, các dự án tập trung chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, chế tạo công nghiệp và khai khoáng (chiếm trên 70% tổng dự án và xấp xỉ 60% tổng vốn đầu tư). Tiếp đến là dịch vụ, nông lâm-ngư-nghiệp và chế biến thủy sản, y tế-giáo dục. Nhìn chung các dự án đều có qui mô nhỏ, trung bình chỉ khoảng 2 triệu USD/dự án.

Các dự án rải rác trên 53 tỉnh thành Việt Nam, trong đó một số tỉnh thành phố thu hút đầu tư từ Trung Quốc nhiều nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai, Hưng Yên, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, là những địa phương có cơ sở hạ tầng tương đối tốt và những nơi có cộng đồng người Hoa sinh sống. Hầu hết các dự án đang được triển khai thuận lợi và thành công, mang lại lợi ích chung cho doanh nghiệp và hai nước.

Một dự án quan trọng và thành công nhất của Trung Quốc trên lãnh thổ Việt Nam là của Công ty liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung (Thành phố Hồ Chí Minh) tổng vốn đầu tư 26,5 triệu USD.

3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Chính phủ Trung Quốc còn hỗ trợ Việt Nam nhiều khoản viện trợ không hoàn lại dùng vào việc tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc; trao đổi thanh thiếu niên; đầu tư trang thiết bị cho một số bệnh viện tại Việt Nam; xây dựng khu nhà ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Cung Hữu nghị Việt – Trung.

Quan hệ trao đổi, hợp tác giữa ta với Trung Quốc trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa - thể thao được đẩy mạnh. Hàng năm, Trung Quốc tiếp nhận một số lượng đáng kể các học sinh, thực tập sinh và các đoàn thể thao của ta sang nghiên cứu, học tập và tập huấn tại Trung Quốc, đồng thời cử nhiều cán bộ, huấn luyện viên sang giúp ta trong công tác huấn luyện các môn thể thao. Hai bên trao đổi các đoàn biểu diễn nghệ thuật, tổ chức nhiều cuộc giao lưu văn hóa, thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

VCCI đã ký 23 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các tổ chức xúc tiến thương mại của Trung Quốc.



Năm 1992: với CCPIT Quảng Đông tại Hà Nội

Năm 1995: với CCPIT Cam Túc tại Hà Nội

Năm 1996: với CCPIT Hà Bắc

Năm 1997: với CCPIT Cát Lâm tại Hà Nội

Năm 1999: với Ủy Ban Nhân dân Châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam tại Hà Nội

Năm 1999: với CCPIT Phúc Kiến tại Hạ Môn

Năm 1999: với chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây tại Hà Nội

Năm 1999: với CCPIT Hải Nam

Năm 1999: với Ủy Ban Xúc tiến Mậu dịch Quốc tế Trung Quốc tại Bắc Kinh

Năm 2002: với CCPIT Quảng Tây tại Nam Ninh

Năm 2003: với Phòng Thương mại Hồng Kong

Năm 2005: với Ủy Ban Xúc tiến Mậu dịch Quốc tế Trung Quốc tại Bắc Kinh

Năm 2006: với Ban Thư ký Hội nghị Thượng đỉnh Thương mại và Đầu tư Trung Quốc – Asean tại Hà Nội

Năm 2006: với CCPIT Đại Liên tại Hà Nội

Năm 2006: với Cục Xúc tiến Thương mại Ma Cao

Năm 2007: với CCPIT Chiết Giang tại Hà Nội

Năm 2007: với CCPIT Vân Nam tại Hà Nội

Năm 2008: với Sở Thương mại tỉnh Quảng Tây

Năm 2008: với CCPIT Quảng Đông tại Hà Nội

Năm 2009: với CCPIT Tứ Xuyên tại Thành Đô

Năm 2009: với CCPIT Quảng Đông tại Quảng Châu

Năm 2009: với chính quyền nhân dân tỉnh Hải Nam tại Hà Nội

Năm 2010: với CCPIT Giang Tô tại Nam Kinh

Năm 2010: với Sở Thương mại tỉnh Hồ Nam tại Quảng Tây

Năm 2013: với CCPIT Thanh Hải tại Hà Nội

Năm 2014: với HKCCI tại Tp. Hồ Chí Minh

2. Hoạt động đã triển khai

Thực hiện thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các tổ chức xúc tiến thương mại của Trung Quốc, VCCI đã thường xuyên đón tiếp các đoàn doanh nghiệp Trung Quốc sang khảo sát thị trường Việt Nam, gặp gỡ trao đổi thông tin trực tiếp, tìm hiểu đối tác Việt Nam và phối hợp với đối tác tổ chức Hội thảo, Tọa đàm doanh nghiệp với các đoàn doanh nghiệp của hầu hết các tỉnh thành của Trung Quốc: Bắc Kinh, Chiết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây, Vũ Hán, Đại Liên, Vân Nam, Sơn Đông, Phúc Kiến. Từ 2011 – 2014, VCCI đã phối hợp với Ban và các Ban ngành Việt Nam tổ chức được 18 cuộc Hội thảo, Tọa đàm doanh nghiệp (Năm 2011: 6 cuộc; Năm 2012: 7 cuộc, Năm 2013: 3 cuộc; Năm 2014: 2). Sau các buổi Hội thảo, tọa đàm gặp gỡ trực tiếp, doanh nghiệp hai bên đều thu thập được những thông tin cụ thể, chi tiết, chính xác về mặt hàng, giá cả, phương thức thanh toán hoặc phương hướng hợp tác



trong tương lai, góp phần trực tiếp vào quá trình thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại đầu tư Việt Nam – Trung Quốc.

Đồng thời mỗi năm Diễn đàn đều tổ chức các đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Trung Quốc theo các chuyên đề khác nhau, tại các địa điểm khác nhau trên lãnh thổ Trung Quốc: Quảng Đông, Quảng Tây, Chiết Giang, Đại Liên, Vân Nam, Sơn Đông, Phúc Kiến... Để các chuyến đi khảo sát thu được những kết quả tốt nhất, ngoài việc tổ chức các cuộc Hội thảo chuyên đề, tọa đàm, gặp gỡ doanh nghiệp hai bên, Diễn đàn đều liên hệ với các cơ quan hữu quan phía Bạn cho doanh nghiệp được tham quan khảo sát các nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam học hỏi kinh nghiệm cũng như có thông tin tổng quan hơn về thị trường tại từng địa phương đoàn đến. Kết quả thu được sau các chuyến đi khảo sát thị trường là nhiều doanh nghiệp đã tìm được bạn hàng, nhà cung cấp hay đối tác đầu tư Trung Quốc. Trong thời gian 5 năm hoạt động từ 2011 - 2014, VCCI đã tổ chức được 12 đoàn doanh nghiệp Việt Nam tham quan khảo sát thị trường Trung Quốc (Năm 2011: 2 đoàn; Năm 2012: 3 đoàn; Năm 2013: 4 đoàn; năm 2014: 3).

Bên cạnh đó, VCCI cũng đã tổ chức nhiều đoàn doanh nghiệp tháp tùng lãnh đạo cấp cao Nhà nước Việt Nam sang thăm và làm việc tại Trung Quốc cũng như đón các đoàn doanh nghiệp tháp tùng lãnh đạo cấp cao Trung Quốc sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Trong các chuyến đi, VCCI đều tổ chức diễn đàn doanh nghiệp hai nước nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển hơn nữa. Trong đó, không thể không nhắc tới sự kiện gần nhất diễn ra từ ngày 3-6/9/2013: Tổ chức Đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng lên đường dự Hội chợ ASEAN-Trung Quốc (CAEXPO) với chủ đề “Phát triển hợp tác khu vực – cơ hội mới, động lực mới, giai đoạn mới” và Hội nghị Thượng đỉnh Đầu tư, Thương mại ASEAN-Trung Quốc (CABIS) lần thứ 9 tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-4-35742022 ext 205	phuocna@vcci.com.vn
Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam 46 Hoàng Diệu, Hà Nội	T: 84-4-38453736 F: 84-4-38232826	chinaemb_vn@mfa.gov.cn
Thương vụ Sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam 39 Trần phú, Hà Nội	T: 84-4-38438863 38232845 F: 84-4-38234286	
Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại Tp Hồ Chí Minh 175 Hai Bà Trưng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	T: 08-38292457 F: 08-38295009	cgchinahcmc@hcm.vnn.vn



Trung Quốc		
Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc Beijing, Jian Guo Men Wai, Guang Hua Lu, No32	T: +86-10-6532 1155 (P. Lễ tân) 6532 7038 (P. Lãnh sự) 6532 1125 (P. Chính trị) 6532 0898 (P. Kinh tế) 6532 9915 (P. Thương vụ) F: +86-10-6532 5720	suquanbk@yahoo.com
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu Hotel Landmark B building north 2nd floor, Qiaoguang rd (Haizhu square), Guangzhou	T: +(86-20)83305911/8330 5916 F: (86-20) 8330 5915 Lãnh sự: +86-20-83305910	tlsq.quangchau@mofa.gov.vn
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh 1 floor Touzi Dasha 109 Minzu Avenue Nanning	T: +86-771-551 0562 F: +86-771-553 4738	tlsqvn@rediffmail.com
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Côn Minh 2nd floor, Kai Wah International Hotel, 157 Beijing Road, Kunming, China	T: +86-871-351 5889/ 352 2669 F: +86-871-351 6667	tlsqcm@yahoo.com
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kong 15/F, Great Smart Tower, 230 Wan Chai Road, Wan Chai, Hongkong	T: +85-2-2591 4517/ 2591 4510 F: +85-2-2591 4524/ 2591 4539	vnconsul@netvigator.com
Văn phòng Lãnh sự Việt Nam tại Thượng Hải 3F, Huachen financial mansion. No 900, Pudong Ave, Shanghai	T: +86-21-68555872/ 68555871/ 13472652588 F: +86-21-68555873	tlsqvn.th@mofa.gov.vn
Ủy ban Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc - China Council For The Promotion Of International	T: +86-10-8807.5769/5729 F: +86-10-68030747	BCNweb@ccpit.org



Trade (CCPIT) 1 Fuxingmenwai Street, Beijing 100860		
--	--	--

2. Các thông tin khác

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

*Website [Phòng Tham tán Kinh tế Thương mại ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam](#)

*Website [Hiệp hội Doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam](#)

*Website [Cổng thông tin điện tử Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Trung Quốc](#)

*Website [CIA – The World Factbook](#)



Bảng 1. Xuất khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2014 (nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
TRUNG QUỐC			1.292.557.393		14.930.874.943
Hàng thủy sản	USD		33.789.453		465.777.467
Hàng rau quả	USD		46.133.881		435.033.140
Hạt điều	Tấn	5.735	38.117.227	50.994	312.654.062
Cà phê	Tấn	2.363	7.225.109	35.448	90.942.530
Chè	Tấn	399	729.003	12.877	17.257.121
Gạo	Tấn	89.541	40.898.484	2.017.548	890.894.731
Sản và các sản phẩm từ sản	Tấn	255.553	93.847.237	2.882.920	963.814.232
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		6.236.960		44.977.517
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		11.918.837		132.935.837
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	26.744	11.069.790	437.384	128.712.612
Clanhke và xi măng	Tấn			151.738	5.665.562
Than đá	Tấn	155.017	8.023.706	4.139.131	244.007.063
Dầu thô	Tấn	115.024	54.559.429	1.579.985	1.229.000.896
Xăng dầu các loại	Tấn	27.055	28.413.459	223.819	232.532.705
Hóa chất	USD		26.453.283		207.706.409
Sản phẩm hóa chất	USD		4.870.554		87.524.783
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	15.633	18.136.787	111.843	137.726.148
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		3.556.400		34.674.386
Cao su	Tấn	54.731	78.613.359	470.184	764.690.129
Sản phẩm từ cao su	USD		6.072.304		66.328.691
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		8.279.794		105.288.997
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	USD		412.972		4.818.075
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		78.731.827		892.930.052
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		267.687		5.605.566
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	39.914	113.849.418	394.626	1.245.020.096
Hàng dệt, may	USD		42.281.672		465.877.664
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	USD		1.100.152		19.794.749
Giày dép các loại	USD		35.651.680		504.812.105
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		11.259.571		116.227.367
Sản phẩm gốm, sứ	USD		115.331		2.119.870
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		6.494.962		75.329.331
Sắt thép các loại	Tấn	374	523.657	11.660	11.346.543
Sản phẩm từ sắt thép	USD		2.440.843		38.628.662
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		3.680.743		41.397.903
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		229.820.182		2.191.327.684
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		22.782.331		414.702.578
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		81.090.106		174.123.945
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		45.794.711		585.675.452
Dây điện và dây cáp điện	USD		22.301.711		166.416.594
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		9.586.930		565.763.468
Sản phẩm từ chất liệu khác gỗ	USD		685.626		5.549.551
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	USD		2.481.351		17.807.295



Bảng 2. Nhập khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2014 (Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Nước/mặt hàng chủ yếu	DVT	Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
TRUNG QUỐC			4.169.029.156		43.710.607.222
Hàng thủy sản	USD		5.046.072		41.708.179
Hàng rau quả	USD		17.908.702		153.660.226
Dầu mỡ động thực vật	USD		294.767		3.764.872
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.310.833		10.351.538
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		3.120.329		28.690.708
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		11.273.343		261.871.821
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		6.005.741		45.043.219
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	43.251	4.561.961	324.799	73.975.826
Than đá	Tấn	40.558	9.549.383	474.027	120.923.587
Xăng dầu các loại	Tấn	122.456	78.597.053	1.679.385	1.517.767.292
Khí đốt hóa lỏng	Tấn	33.787	21.174.879	363.340	317.508.910
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		4.373.846		78.105.628
Hóa chất	USD		87.095.948		988.192.622
Sản phẩm hóa chất	USD		59.825.763		640.912.294
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		16.933.182		201.600.078
Dược phẩm	USD		3.884.408		52.214.873
Phân bón các loại	Tấn	112.961	27.286.960	2.018.169	635.789.255
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		3.451.167		43.192.883
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		46.138.758		410.564.821
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	22.908	45.351.691	263.901	522.905.257
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		86.081.618		870.794.863
Cao su	Tấn	1.920	3.992.848	16.287	35.820.265
Sản phẩm từ cao su	USD		16.479.879		165.985.709
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		26.410.091		239.434.697
Giấy các loại	Tấn	30.285	23.030.174	280.018	220.779.107
Sản phẩm từ giấy	USD		17.208.745		183.418.040
Bông các loại	Tấn	206	318.184	2.369	6.826.238
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	23.086	48.469.410	260.916	562.447.978
Vải các loại	USD		410.462.563		4.660.222.791
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		128.264.027		1.542.438.368
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		17.996.196		208.547.777
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		4.083.784		61.073.831
Sắt thép các loại	Tấn	908.330	509.615.680	6.242.451	3.810.663.344
Sản phẩm từ sắt thép	USD		102.042.730		1.027.221.071
Kim loại thường khác	Tấn	16.490	52.361.931	150.985	538.003.210
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		16.127.101		165.785.803
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		423.090.373		4.571.774.194
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		24.275.583		232.847.298
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		558.607.302		6.346.195.486
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		63.626.967		717.407.267
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		790.404.662		7.852.896.584
Dây điện và dây cáp điện	USD		48.314.359		454.717.844
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	2.119	84.434.926	13.735	534.671.775
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		44.213.055		360.171.252
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		4.374.884		63.163.476